

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2017.
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị Đ, sinh năm 1983

Nơi ĐKNKTT: Số nhà 15, tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Lê Hồng V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà 15, tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị Đ và anh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Trịnh Thị Đ và anh Lê Hồng V kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2010 tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn; Anh V cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Đ và anh V cùng thống nhất, vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Trịnh Ngọc Q (con gái), sinh ngày 25/3/2012 và Lê Trịnh Ngọc Q1 (con gái), sinh ngày 25/3/2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; Anh V xin được nuôi cháu Q và giao chị Đ nuôi cháu Q1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị Đ không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh V yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng anh không làm đơn, không nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ và anh cũng không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo.

* Ông Lê Hồng T và bà Phạm Thị T là bố mẹ đẻ của anh Lê Hồng V có quan điểm: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Lê Hồng V, anh V và chị Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn nhưng không được gia đình hai bên tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Trong quá trình sống chung vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn va chạm. Nguyên nhân là do anh V mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, hay đánh đập chửi bới vợ con, ông bà đã khuyên bảo nhưng không được. Sau đó chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị Đ xin ly hôn ông bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì điều kiện anh V bị nghiện ngập không có công ăn việc làm ổn định, ông bà thì tuổi cao nên không thể nuôi cháu được. Do đó, nếu chị Đ và anh V ly hôn thì ông bà đề nghị giao cả hai con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng

* Tại phiên toà hôm nay:

- Chị Trịnh Thị Đ có quan điểm: Về hôn nhân chị xin ly hôn; Về con chung chị xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Lê Hồng V có quan điểm: Về hôn nhân anh nhất trí ly hôn với chị Đ; Về con chung anh xin nuôi cháu Q và giao chị Đ nuôi cháu Q1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về tài sản chung và công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ với anh V. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh V.

2/ Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

3/ Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị Đ không có thai nghén gì.

4/ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đ và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đ và anh V phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

* Về thẩm quyền: Xét thấy cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định

tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[1] Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Đ và anh Lê Hồng V là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2010 tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Đ, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng chị Đ và anh V đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có hai con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Quá trình ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và HĐXX đã phân tích, khuyên bảo vợ chồng anh chị về đoàn tụ, nhưng chị Đ vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh V và anh V cũng đồng ý ly hôn với chị Đ. Thực tế cho thấy chị Đ xin ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn càng khẳng định anh chị không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất thống nhất có hai con chung là cháu Lê Trịnh Ngọc Q (con gái), sinh ngày 25/3/2012 và Lê Trịnh Ngọc Q1 (con gái), sinh ngày 25/3/2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Đ. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị Đ và anh V, HĐXX thấy: Nguyên vọng xin nuôi con chung của hai bên là chính đáng. Xét điều kiện mọi mặt về việc chăm sóc và nuôi dạy con chung của hai bên, thấy: Hiện nay chị Đ có công việc và thu nhập ổn định hơn, chị Đ lại được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở ổn định và hỗ trợ chăm sóc nuôi con giúp chị nên chị Đ có điều kiện để đảm bảo về vật chất và chỗ ở cho con chung tốt hơn. Qua lời khai của nguyên đơn, bố mẹ anh V cũng như các tài liệu có trong hồ sơ thì anh V đã nghiện ma túy nhiều năm, chỗ ở và thu nhập không ổn định. Bố mẹ đẻ anh V cũng có ý kiến nên giao 02 con chung của anh chị cho chị Đ nuôi dưỡng vì ông bà đã già yếu không hỗ trợ chăm sóc được các cháu. Mặt khác, hiện nay cháu Q và cháu Q1 còn nhỏ (hơn 05 tuổi) lại là con gái nên rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của người mẹ đặc biệt là khi các cháu đến tuổi dậy thì, chị Đ dễ gần gũi nắm bắt được tâm tư, tình cảm

và nguyện vọng của các con hơn. Hiện nay hai con chung của anh chị lại đang sinh sống cùng chị Đ. Vì vậy, cần giao cháu Q và cháu Q1 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc để tránh sự sáo trộn về sinh hoạt và việc đi học của các cháu và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[4] Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị Đ không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đ và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 143; 144; 147; 271; 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Đ và anh Lê Hồng V.

2/ Về con chung: Giao chị Trịnh Thị Đ được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là cháu Lê Trịnh Ngọc Q (con gái), sinh ngày 25/3/2012 và Lê Trịnh Ngọc Q1 (con gái), sinh ngày 25/3/2012. Anh Lê Hồng V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trịnh Thị Đ.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị Đ không có thai nghén gì

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đ và anh V không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Đ và anh Lê Hồng V mỗi người phải nộp 150.000đ.

Chị Đ được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000760 ngày 03/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Đ được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đ và anh V có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND phường M, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy